TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Biên

Ông Phùng Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 26/01/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị P, sinh ngày 09/02/2001; căn cước công dân số: 002301008223, cấp ngày: 20/4/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn D; căn cước công dân số: 002094005872, cấp ngày 20/02/2023; nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025 chị Trương Thị P trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (gọi tắt là UBND) xã C, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay

là xã C, tỉnh Tuyên Quang) ngày 10/7/2019 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Dhay uống rượu, chửi mắng chị P, nhiều lần uống rượu về còn cầm dao đe dọa chị P nên chị đã chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2020 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị P có một con chung là cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 01/10/2019. Do anh D và bố mẹ anh D không cho chị P mang con theo khi chị chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ nên cháu Đ vẫn sống tại nhà anh D kể từ khi vợ chồng ly thân. Do cháu Đ đã sinh sống ổn định, đi học tại nhà anh D và ông bà nội, chị P có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại các Biên bản xác minh ngày 26/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang với Công an xã C; Trưởng thôn T, xã C, nơi chị P và anh D(sau khi kết hôn), đại diện thôn Tát Khao cho xác nhận chị Trương Thị P và anh Hoàng Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã C, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 10/7/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên, đại diện chính quyền thôn, phụ nữ thôn khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị P đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2020, còn anh D sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn T, xã C, tỉnh Tuyên Quang và anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 01/10/2019, sau khi chị P chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, cháu Đ vẫn ở với bố và ông bà nội tại xã C.

Tại Biên bản xác minh của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang đối với bố đẻ anh D ông Hoàng Văn Lngày 10/01/2026, ông L cho biết: Việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung của chị P và anh D đúng như chị P trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh D, ông L đề nghị Toà án giao cháu Hoàng Văn Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, vì cháu Đ ở cùng với anh D và ông bà nội từ nhỏ. Về tài sản chung và công nợ chung, anh D và chị P không có.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh D vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Nguyên đơn chị P có Đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh D; về con chung: Chị P đề nghị giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, vợ chồng chị P đã ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng chị P không tìm được cách hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn D; về con chung: Giao cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 01/10/2019 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị P khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn D và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn tại phiên toà và trong quá trình tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn văn tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị P và anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2019 tại Ủy ban nhân dân

xã C, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã C, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị P và anh D là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Nguyên đơn chị P cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do quan điểm sống không thống nhất nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Xét thấy vợ chồng chị P anh Dđã ly thân 5 năm, hai bên không tìm được cách để hàn gắn mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh D.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị P có một con chung là cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 01/10/2019 hiện nay cháu đang sinh sống cùng với anh D. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đ vẫn sống cùng anh D từ khi cháu còn nhỏ đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đ, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Chị P được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở .

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Trương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị P. Chị Trương Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 01/10/2019 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000912, ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Cao Bồ; xã Minh Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Quy